TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 25-9-2017.
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị T và anh M.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Tiết.

Ông Đặng Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 156/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị Thu T, sinh năm: 1982, địa chỉ: số nhà 31/4, ấp 4, xã Phước Tân Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.(có mặt)

Bị đơn: anh Nguyễn Đức M, sinh năm: 1981, địa chỉ: số nhà 394/8, ấp Thanh Tân, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Thị Thu T là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án: Chị và anh M kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Th. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là từ sự không thành thật và ghen tuông của anh M. Vợ chồng chị không còn sống chung từ cuối tháng 4 năm 2017 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên chị Th quyết định ly hôn với anh Nguyễn Đức M.

Về con chung: chị và anh M có 01 con chung tên Nguyễn Lê Khiết A, sinh ngày 24/9/2015, hiện nay con do chị Th nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, chị T yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Đức M là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, anh M trình bày trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Anh M đồng ý với chị T về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, con chung. Nay chị T đề nghị ly hôn anh M đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên Nguyễn Lê Khiết A, sinh ngày 24/9/2015, hiện nay con do chị T nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Đức M kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Nay chị Lê Thị Thu T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức M, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Anh Nguyễn Đức M đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Đức M.

[3] Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Đức M chung sống với nhau được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng nhau nên thường hay cải vã. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị T và anh M không còn sống chung với nhau từ cuối tháng 4 năm 2017 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, do đó cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thu T, cho chị Lê Thị Thu T ly hôn với anh Nguyễn Đức M.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Đức M có 01 con chung tên Nguyễn Lê Khiết A, sinh ngày 24/9/2015, hiện nay con do chị T nuôi dưỡng, chị Th và anh M đều yêu cầu trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Lê

Khiết A hiện nay là dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì được giao cho mẹ nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, không chấp nhận yêu cầu của anh M về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con.

[5] Chị Lê Thị Thu T yêu cầu anh Nguyễn Đức M cấp dưỡng nuôi con định kỳ mỗi tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng, yêu cầu của chị T là phù hợp với chi phí thực tế để nuôi con và phù hợp với Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận, buộc anh Nguyễn Đức M cấp dưỡng nuôi con định kỳ mỗi tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[6] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chị Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, anh Nguyễn Đức M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do bị buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các khoản 5 và 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng các khoản 5 và 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thu T, cho chị Lê Thị Thu T ly hôn với anh Nguyễn Đức M.

Về nuôi con chung: chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Đức M có 01 con chung tên Nguyễn Lê Khiết A, sinh ngày 24/9/2015, hiện nay con do chị Thảo nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Lê Khiết A cho chị Lê Thị Thu T tiếp tục trực tiếp nuôi con, anh Nguyễn Đức M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Lê Khiết A định kỳ mỗi tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi Nguyễn Lê Khiết A đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đức M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm

ứng án phí chị Lê Thị Thu T đã nộp theo biên lai thu số 0007716, ngày 21 tháng 7 năm 2017, của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Anh Nguyễn Đức M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm do bị buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Đức M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tùng